

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 137/2024/DS-ST
Ngày: 06-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hòa Ân

2. Bà Lê Thị Phương Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2024/TLST- DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP A (Ngân hàng A); trụ sở: Số N, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Ông Nguyễn Đình L – chức vụ: Phó Giám đốc Phòng quản lý nợ (văn bản ủy quyền số 1285/UQ-QLN.22 ngày 05/7/2022). Ông L ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Thanh N – Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ. (Giấy ủy quyền số 1992/UQ-QLN.23 ngày 25/10/2023).

* **Bị đơn:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Trần Thị T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N cung cấp các tài liệu, chứng cứ và yêu cầu như sau:

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cấp cho bà Trần Thị T ngày 01/6/2012, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, các văn bản khác của bà T ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng, cụ thể: Số thẻ tín dụng: 5465 55** ****0083, ngày 13/6/2012, ngày cấp 13/6/2012, loại thẻ Master Card Vàng, hạn mức thẻ 30.000.000 đồng, hiệu lực thẻ từ tháng 6/2015, lãi xuất trong hạn, quá hạn, các loại phí theo các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 21/5/2014, A đã chuyển khoản nợ thẻ tín dụng của bà T thành nợ quá hạn đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà T. Ngày 22/5/2014, A ra thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng của bà T.

Tính đến ngày 06/9/2024, bà T còn nợ A tổng số tiền 172.806.227 đồng, gồm:

Nợ gốc: 31.959.777 đồng;

Lãi quá hạn: 140.846.450 đồng;

Nay ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T trả cho Ngân hàng A tổng số tiền nêu trên. Ngoài ra, bà T phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo các văn bản thoả thuận đã ký.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà T không thực hiện việc thanh toán. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 06/9/2024 là 172.806.227 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh theo thoả thuận cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số nợ.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Trần Thị T đã được triệu tập bằng hình thức niêm yết công khai, kèm theo niêm yết các chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp S, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Quá trình tham gia tố tụng, đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về pháp luật áp dụng: Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn, bị đơn được thực hiện năm 2018 nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 172.806.227 đồng, gồm nợ gốc: 31.959.777 đồng; lãi 140.846.450 và yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận cho đến khi trả hết nợ. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 01/6/2012 thể hiện nguyên đơn có cấp thẻ tín dụng cho bị đơn hạn mức 30.000.000 đồng, lãi xuất được áp dụng theo bản các Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Á. Quá trình tiến hành tố tụng, các chứng được Tòa án niêm yết kèm theo Thông báo thụ lý vụ án để bị đơn được biết và thực hiện quyền của mình. Khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh như sau “...Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự phản đối đó...” bị đơn được triệu tập nhiều lần để thực hiện quyền của mình. Tuy nhiên, bị đơn cố tình vắng mặt và không cung cấp ý kiến phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về phần thủ tục tố tụng cũng như về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70, 72, 147, 161, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 91, 95, 108 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi xuất, phạt vi phạm;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á đối với bà Trần Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Trần Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á số tiền 172.806.227 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu tám trăm lẻ sáu nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng), gồm:

- Nợ gốc: 31.959.777 đồng (Ba mươi một triệu chín trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng);
- Lãi quá hạn: 140.846.450 đồng (Một trăm bốn mươi triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/9/2024) cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 01/6/2012 đã ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á với bà Trần Thị T, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Trần Thị T phải chịu 8.640.311 đồng (tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn ba trăm mười một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á 3.670.212 đồng (ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn hai trăm mười hai) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0008719 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

Ngô Nguyễn Minh Sơn